

CÁC CHỈ HUY TRƯỞNG TRƯỜNG VÕ BỊ QUỐC GIA VIỆT NAM

ĐỖ MẠNH TRƯỜNG

Việc đào tạo sĩ quan chuyên nghiệp cho Quân Đội Việt Nam trước năm 1954 và Việt Nam Cộng Hòa sau 1954 đã có những thay đổi quan trọng. Khởi thủy Trường Sĩ Quan Việt Nam tại Huế được thành lập (từ 1948 đến 1950) với mục đích đào tạo lớp sĩ quan đầu tiên cho Quân Đội Quốc Gia Việt Nam. Sau đó vì nhu cầu phát triển Quân Đội, trường này được di chuyển lên Đà Lạt và được đặt tên lại là Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt (từ 1950 đến 1959). Sau đó, Tổng Thống Ngô Đình Diệm, một lần nữa đổi tên trường là Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam (từ 1959 tới 1975).

Kể từ 1954, sau khi Việt Nam giành độc lập hoàn toàn khỏi Thực Dân Pháp, dưới chế độ Cộng Hòa, TVBQGVN đã trở thành một quân trường quan trọng, cấp Quốc Gia, đào tạo sĩ quan hiện dịch cho các Quân Binh Chung VNCH. Hình ảnh các sĩ quan có trách nhiệm, tận tụy với đơn vị, sẵn sàng xả thân cho đồng đội và hy sinh cho đất nước đã chứng thực hiệu quả huấn luyện của TVBQGVN.

Từ 1954 tới 1975, để thực hiện chương trình huấn luyện, đã có 11 Chỉ Huy Trường phục vụ tại quân trường này được thống kê như sau:



1. Thiếu Tướng NGUYỄN VĂN CHUÂN, 1954 - 1955:

- Theo học Khóa 1 Trường Sĩ Quan Việt Nam tại Huế, khai giảng vào ngày 1 tháng 10 năm 1948.
- Sau khi ra trường, ông được gửi đi học bổ túc tại Trường Saint Syr tại Pháp.
- Tháng 10 năm 1953, ông được thăng cấp Thiếu Tá và được chỉ định làm Chỉ Huy Phó Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt.
- Tháng 9 năm 1954, sau Hiệp Định Genève (ngày 20 tháng 7), ông được thăng cấp Trung Tá và được bổ nhiệm vào chức vụ Chỉ Huy Trường Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt.
- Cuối tháng 3 năm 1955, ông được lệnh bàn giao chức vụ Chỉ Huy Trường cho Trung Tá Nguyễn Văn Thiệu.
- Năm 1967, ông ứng cử vào Quốc Hội Việt Nam Cộng Hòa, đắc cử thượng nghị sĩ trong Thượng Viện nhiệm kỳ 1967 - 1973.



2. Trung Tướng NGUYỄN VĂN THIỆU, 1955 - 1957 và 1958 - 1959:

- Theo học Khóa 1 Trường Sĩ Quan Việt Nam tại Huế, khai giảng vào ngày 1 tháng 10 năm 1948.
- Cuối tháng Ba 1955, ông được thăng cấp Trung Tá và được bổ nhiệm vào chức vụ Chỉ Huy Trường Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt.
- Tháng 7 năm 1957, ông được cử đi học khóa Chỉ Huy & Tham Mưu Cao Cấp tại Leavenworth, Kansas, Hoa Kỳ.
- Năm 1958, ông tốt nghiệp về nước và tái nhậm chức vụ Chỉ Huy Trường Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt.
- Năm 1959, rời trường, ông tiếp tục được cử đi học khóa Tình Báo Tác Chiến tại Okinawa, Nhật Bản.
- Từ 1967 tới 1975: ông đắc cử Tổng Thống VNCH; tái đắc cử và rời nhiệm sở vào tháng Tư, 1975 trong nhiệm kỳ thứ hai.



3. Thiếu Tướng HỒ VĂN TỐ, 1957 - 1958:

- Ông theo học Khóa 2 Quang Trung tại Trường Sĩ Quan Việt Nam tại Huế, khai giảng ngày 25 tháng 9 năm 1949 và tốt nghiệp thủ khoa vào năm 1950.

- Tháng 3 năm 1958, ông được bổ nhiệm vào chức vụ Chỉ Huy Trưởng trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt, thay thế Trung Tá Nguyễn Văn Thiệu đi du học khóa Chỉ Huy và Tham Mưu tại Hoa Kỳ.

- Tháng 7 năm 1958, ông nhận lệnh bàn giao lại chức vụ Chỉ Huy Trưởng Chỉ Huy Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt cho Trung Tá Nguyễn Văn Thiệu.



4. Thiếu Tướng LÊ VĂN KIM, 1959 - 1960:

- Đầu năm 1940, ông nhập ngũ vào Quân Đội Pháp, và theo học tại trường Sĩ Quan Pháo Binh Poitiers, ra trường với cấp bậc Chuẩn Úy.

- Ngày 10 tháng 12 năm 1956 ông được thăng cấp Thiếu Tướng.

- Đầu năm 1959, ông được chỉ định giữ chức vụ Chỉ Huy Trưởng Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt thay thế Trung Tá Nguyễn Văn Thiệu được cử đi du học lớp Tình báo Tác chiến tại Okinawa, Nhật Bản.

- Tháng 11 năm 1960, ông bàn giao chức vụ chỉ huy trưởng cho Trung Tá Trần Ngọc Huyền.

- Tháng 5 năm 1965, ông được giải ngũ với lý do đã phục vụ quân đội trên 20 năm.



5. Đại Tá TRẦN NGỌC HUYẾN, 1960 - 5/1/1964:

- Ông tốt nghiệp Khóa 2 Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Một thời gian sau, ông về trường với chức vụ Chỉ Huy Phó Kiêm Văn Hóa Vụ.

-Tháng 11 năm 1960, với cấp bậc Trung Tá, ông được chỉ định vào chức vụ Chỉ Huy Trưởng Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam (đổi tên từ 1960).

- Năm 1963, ông lên Đại Tá.

- Tháng Giêng 1964, rời Trường Võ Bị, ông được chỉ định làm thứ trưởng Bộ Thông Tin trong một thời gian ngắn và sau đó làm Giám Đốc Nha Chiến Tranh Tâm Lý.

- Ông giải ngũ vào năm 1965.

(*Xem thêm phần GHI CHÚ ở cuối bài)

**6. Thiếu Tướng TRẦN TỬ OAI, 1964:**

- Đầu năm 1940, do có bằng Thành Chung, ông được cử theo học tại trường Võ Bị Tông, Sơn Tây.
- Ngày 5 tháng 1 năm 1964, ông được chỉ định giữ chức vụ Chỉ Huy Trường Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.
- Ngày 30 tháng 1 năm 1964, ông được lệnh bàn giao chức vụ Chỉ Huy Trường Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam lại cho Đại Tá Trần Văn Trung.
- Năm 1965, ông giải ngũ khỏi Quân Đội.

**7. Trung Tướng TRẦN VĂN TRUNG, 1964:**

- Theo học Khóa 1 Trường Sĩ Quan Việt Nam tại Huế, khai giảng vào ngày 1 tháng 10 năm 1948 (Khóa Phan Bội Châu).
- Đầu tháng 2 năm 1964, với cấp bậc Đại Tá, ông được bổ nhiệm làm Chỉ Huy Trường Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.
- Tháng 6 năm 1964, ông bàn giao chức vụ Chỉ Huy Trường cho Chuẩn Tướng Nguyễn Văn Kiếm, đi nhận chức vụ khác.

**8. Chuẩn Tướng NGUYỄN VĂN KIỂM, 1964 - 1965:**

- Ông theo học Khóa 1 Nguyễn Văn Thịnh tại trường Võ Bị Liên Quân Viễn Đông Đà Lạt khai giảng ngày 15 tháng 7 năm 1946, và tốt nghiệp với cấp bậc Chuẩn Úy.
- Tháng 6 năm 1964, ông được cử giữ chức vụ Chỉ Huy Trường Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, thay thế Đại Tá Trần Văn Trung.
- Ngày 11 tháng 8 năm 1964, ông được thăng cấp Chuẩn Tướng.
- Tháng 9/1965, ông bàn giao chức vụ Chỉ Huy Trường Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam cho Đại Tá Lâm Quang Thơ.



9. Thiếu Tướng LÂM QUANG THƠ, 1965 - 1966 và 1972 - 1975:

- Tháng 9 năm 1950, ông cùng người em kế (Lâm Quang Thi) tình nguyện theo học Khóa 3 Trần Hưng Đạo tại trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt.
- Đầu tháng 9 năm 1965, ông được chỉ định làm Chỉ Huy Trưởng Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.
- Tháng 11 năm 1966, ông nhận lệnh bàn giao Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam lại cho Đại Tá Đỗ Ngọc Nhận.
- Ông lên Thiếu Tướng năm 1970.
- Tháng 4 năm 1972, ông được tái bổ nhiệm chức vụ Chỉ Huy Trưởng Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, thay thế bào đệ là Trung Tướng Lâm Quang Thi.

*(** Xem thêm phần GHI CHÚ ở cuối bài)*



10. Đại Tá ĐỖ NGỌC NHẬN, 1966 - 1968:

- Ông theo học Khóa 3 Trần Hưng Đạo tại Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt và tốt nghiệp vào năm 1951.
- Năm 1966, ông nhậm chức Chỉ Huy Trưởng Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam.
- Năm 1968, ông bàn giao chức vụ Chỉ Huy Trưởng lại cho Thiếu Tướng Lâm Quang Thi.

*(*** Xem thêm phần GHI CHÚ ở cuối bài)*



11. Thiếu Tướng LÂM QUANG THI, 1968 - 1972:

- Ông theo học Khóa 3 Trần Hưng Đạo tại Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt khai giảng ngày 1 tháng 10 năm 1950.
- 19 tháng 6 năm 1968, ông được thăng cấp Thiếu Tướng, và được bổ nhiệm vào chức vụ Chỉ Huy Trưởng Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam thay thế Đại Tá Đỗ Ngọc Nhận.
- Trung tuần tháng 4 năm 1972, ông nhận lệnh bàn giao chức vụ Chỉ Huy Trưởng lại cho bào huynh là Thiếu Tướng Lâm Quang Thơ, để đi nhận chức vụ Tư Lệnh Phó Quân Đoàn I và Quân Khu 1.



GHI CHÚ

*** Đại Tá TRẦN NGỌC HUYẾN:** Thời gian này, trường đã có những thay đổi lớn lao về phương pháp và chương trình huấn luyện. Năm 1960, Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã chính thức đặt cơ sở quân sự này là Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam với chương trình giảng dạy kéo dài 4 năm. Sĩ quan tốt nghiệp có trình độ văn hóa tương đương với các trường cao đẳng dân chính. (Tuy nhiên chương trình không được thực hiện theo như dự trù vì chiến tranh.) Chương trình quân sự được cập nhật kịp thời phù hợp với kỹ thuật chiến tranh mới.

Là Chỉ Huy Trường, ông đặc biệt huấn luyện sinh viên sĩ quan về lãnh đạo chỉ huy, cũng như khơi dậy lòng yêu nước, lòng tự hào đã xuất thân từ trường Võ Bị, và tinh thần dấn thân phục vụ cho quân đội VNCH.

Ông cũng là người khởi xướng việc phát hành Đặc San Đa Hiệu theo định kỳ dành cho các sinh viên sĩ quan khi ông là chỉ huy trường, và là tác giả của Chương Trình Dạ Lan khi ông phục vụ ở Đai Phát Thanh Quân Đội VNCH.

**** Thiếu Tướng LÂM QUANG THƠ:** Tháng 3 năm 1975, ông đã chỉ huy việc di tản Trường Võ Bị khỏi Đà Lạt và hướng dẫn trên 1,000 SVSQ các Khóa 28, 29, 30, và 31 rời khỏi trường từ Đà Lạt theo hướng Sông Pha về tới Phan Thiết. Nhờ kỷ luật tuyệt đối mà SVSQ đang theo học tuân theo, cũng như được các đơn vị yểm trợ bảo vệ an ninh kỹ càng dọc đường hành quân, Trung Đoàn SVSQ đã an toàn về tới Bình Tuy ngày 30 tháng 3 năm 1975. Từ đây Trường

Võ Bị Quốc Gia Việt Nam được di tản về Huấn Khu Long Thành bằng C130, mà Đại Tá Trần Đức Minh là Chỉ Huy Trường Huấn Khu. Tại đây hai Khóa 28 và 29 đã làm lễ tốt nghiệp, còn lại các SVSQ thuộc hai Khóa 30 và 31.

***** Đại Tá ĐỖ NGỌC NHẬN:** Bắt đầu từ năm 1966, chương trình đào tạo SVSQ đã có những thay đổi lớn. Thời gian huấn luyện từ ba năm cho các Khóa 15, 16, 17 rút gọn lại hai năm cho các Khóa 18, 19, 20, 21, và Khóa 22A, giờ đây thời gian đào tạo chính thức thành 4 năm. Ngoài những thay đổi về chương trình huấn luyện quân sự phù hợp với nhu cầu thực tế ngoài chiến trường, tập trung vào Lãnh Đạo Chỉ Huy; trình độ văn hóa đại học được giảng dạy tại trường, tương đương với trình độ tại các đại học dân sự và đại học Hoa Kỳ. Năm 1973 và 1974, khi tốt nghiệp, Khóa 26 và 27 đã nhận văn bằng Cử Nhân Khoa Học Ứng Dụng và Khóa 27 đã nhận thêm Văn Bằng Tốt Nghiệp TVBQGVN. ■

ĐỖ MẠNH TRƯỜNG
(Cựu SVSQ K23)



TRẢ LẠI CHO TÔI

ĐOÀN BUI

Trả lại cho tôi trường Võ Bị
Trên đỉnh Lâm Viên
rực nắng hồng
Trả lại cho tôi *alpha* đỏ
Quân phục, súng đạn, và ba-lô

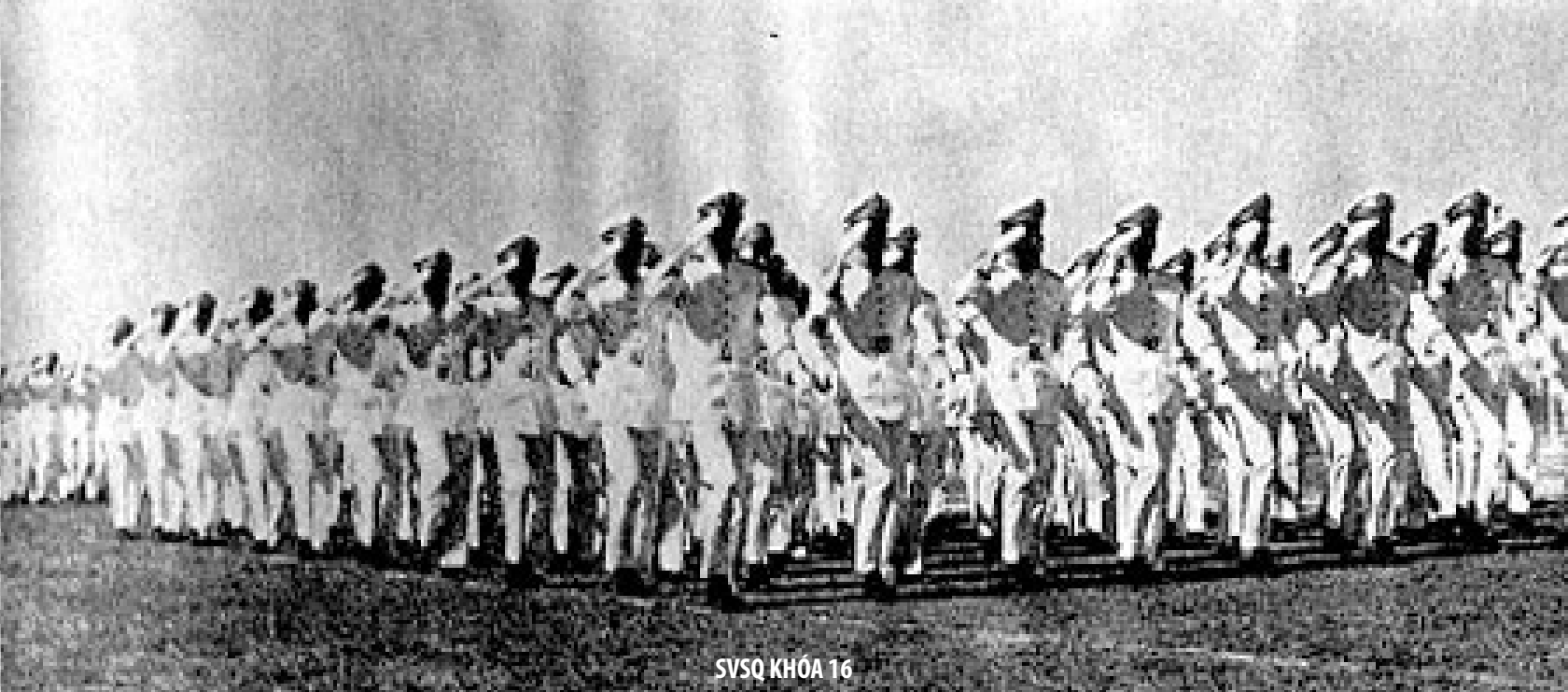
Trả lại cho tôi thác Cam Lộ
Đóa mimosa, hồ Than Thở
Trả lại cho tôi vườn Anh Đào
Sương mù phủ kín
hồ Xuân Hương

Trả cho tôi phiên gác đêm
Mùa Đông giá lạnh
trên đôi Bắc
Trả lại cho tôi ngày cấm trại
Ra Cầu Lạc Bộ ngóng chờ em

Trả lại cho tôi chợ Hòa Bình
Đi bên người đẹp
Bùi Thị Xuân
Trả lại cho tôi ngày tháng cũ
Ngàn năm ôm mãi
giác mộng vàng

Ôi kiếp sống tha hương
Đã bao năm xa quê nhà
Tôi ước mong có một ngày
được sống lại kỷ niệm xưa. ■

ĐOÀN BUI
(Cựu SVSQ K20)



SVSQ KHÓA 16

TÂM THƯ CỦA MỘT NGƯỜI THẦY CŨ

TRẦN NGỌC HUYẾN

GIỚI THIỆU:

Tác giả là cựu Chỉ Huy Trưởng kiêm Văn Hóa Vụ Trưởng Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam đã để lại một "tiếng lóng" đầy thân yêu và hãnh diện trong lòng các cựu SVSQ/TVBQGVN kể từ Khóa 16 trở đi. Trong bức "Tâm Thư" này, "tiếng lóng" đã được giải thích cùng với tâm sự và ước vọng của ông về các cấp chỉ huy tương lai của QLVNCH.

Các "Cùi" thân mến,
Tôi đã gác bút nhiều năm. Vì tuy không dám ví mình với nhà thơ tiền bối, đôi khi rút tập giấy trắng để trên bàn định viết, tôi lại vứt bút, đứng dậy:

*Câu VẤN nghĩ dẫn đo chẳng viết
Viết cho ai, ai biết mà đưa?*

Nhưng vừa rồi, anh Hiến đến nhắc tôi tháng 12 này là kỷ niệm 25 năm Khóa 16 tốt nghiệp và đề nghị tôi viết một bài cho Bản Tin Tức của các anh. Vì vậy hôm nay, tôi đang làm ngược cái thông lệ trong giờ nhàn rỗi của tôi (là ngồi yên nghe thiên hạ xào xáo, rồi có khi thì ngẩng đầu lên trời cười hô hố một tràng, khi khác lại chạy vào phòng rửa tay, nhổ bãi nước bọt, rồi chửi

thề rất tục một mình), để cầm bút viết bài này đến những ai còn muốn nhận mình là "Cùi", thuộc Khóa 16 và các khóa khác về sau.

Ngày mãn khóa của Khóa 16, 25 năm về trước, có một giá trị tượng trưng sâu rộng: Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam đã từng đào tạo hàng ngàn sĩ quan anh hùng. Nhưng trước đó mấy năm, một chương trình huấn luyện và phương pháp mới đã đem ra áp dụng lần đầu, chú trọng về cả 3 phương diện: "Kỹ thuật nghề nghiệp" (= quân sự), "Kiến thức" (= văn hóa), và "Tinh thần" (= lãnh đạo chỉ huy), đặt trọng tâm vào sự "học hỏi" và "suy luận", để "tự chọn"

thay vì lối huấn luyện "nhìn cho thuộc" để bắt chước làm theo, để "khỏi bị phạt". Nếu Khóa 16, trong khi đem ra thử lửa trên chiến trường, tỏ ra hèn nhát, thiếu tư cách lãnh đạo, thì không những tương lai của họ sẽ bị chôn vùi, mà chương trình và phương pháp huấn luyện mới tại quân trường chắc chắn cũng phải bị loại bỏ, nhất là ngay cho đến phút chót, số lớn người có quyền và có uy thế trong Quân Đội vẫn hoài nghi sự hiệu nghiệm và hết sức chống đối chương trình văn hoá và phương pháp huấn luyện tinh thần.

Khoá 16 quả thực đã không phụ lòng tin tưởng của những



người đã đào tạo nên họ. Chỉ trong vòng mấy tháng, tuy kỹ thuật quân sự của họ còn phải được trau dồi nhiều năm trong khói lửa của chiến trận, nhưng lòng dũng cảm, chí kiêu hùng, thái độ ưu tư với thuộc cấp, mỗi khát vọng thúc giục họ vươn lên cho tới cái "Cao Sang", cái "Đẹp Đẽ", cái "Trọn Vẹn" khi thi hành bốn phận, vì trí óc và sự suy luận đã giúp họ ý thức rằng việc họ phải làm là "Cần Thiết" cho lý tưởng mà họ đã lựa chọn; vì thế mà họ không chịu thoả mãn với những kết quả "trung bình" đạt đến nhờ sự lo sợ bị trừng phạt hay lời khen thưởng của thượng cấp. Những "cái gì" khó tả ấy đã sớm liệt một số sĩ quan thuộc Khoá 16 vào hàng ngũ đặc biệt của anh hùng cận đại. Rồi, tuy chiến tích của đoàn trai này không cứu được nước Việt mền yêu, nhưng nhiều người đã từng ngậm ngùi tiếc cho cơ đồ dân tộc là đoàn trai này đã tham chiến quá muộn và quá ngắn hạn trước ngày nước Việt bị mất!...

Bởi vậy, cầm bút viết bài này hôm nay, tôi muốn long trọng viết lên mấy chữ "*Cảm Tạ Chân Thành*" những ai trong Khoá 16 - cũng như các khoá sau - trong những khi xông pha giết giặc đã từng cảm thấy trong huyết quản dâng lên một mối khát vọng để sự cần thiết phải làm cho được điều "Phải Làm"; rồi sau phút đó, nhớ lại sự nguy hiểm, khó khăn mình đã chấp nhận và vượt qua, bỗng cảm thấy mình "Cao Sang", "Thích Thú", có khi không cần, không

chờ đợi sự khen thưởng của thượng cấp. Các "Cùi" này quả thật đã "tu luyện" được cái sức mạnh thần bí mà tôi mong ước "Cùi" của tôi phải có, khi nhận lãnh văn bằng tốt nghiệp.

Đọc đến đây, có người băn khoăn:

- Có sự mong ước cao siêu về học trò mình như vậy, có sao lại gán cho họ cái biệt hiệu xấu xí là "CÙI"?

Trước khi giải đáp sự băn khoăn hữu lý này, để tôi nhắc lại một mẩu chuyện nhỏ:

Ngày 01/05/1975, khoảng 01:00 giờ trưa, sau khi được chiến hạm Hải Quân 417 cứu từ tàu 608 chết máy, sắp chìm, tôi tìm được chỗ có bóng mát ngồi xuống rồi gục đầu thiếp đi. Bỗng chốc, tôi nghe có tiếng giầy dừng lại cho tôi ngồi, rồi có tiếng hỏi:

- Xin lỗi, ông có phải là cựu Đại Tá Huyền, Chỉ Huy Trưởng Trường Võ Bị Quốc Gia trước đây không?

Tôi mở mắt, nhìn lên thấy một Trung Úy Hải Quân khoảng 25, 26 tuổi. Tôi trả lời:

- Vâng, tôi là cựu Đại Tá Huyền đây!

Ông Trung Úy bèn bước lui, chụm hai chân lại, đưa tay mặt ngang trán chào kính rồi nói:

- Tôi là X., "Cùi" khoá Y. Tôi vào trường mấy năm sau khi Đại Tá đi rồi nhưng tôi vẫn kính phục Đại Tá vì các cán bộ niên trưởng vẫn nhắc tới trào của Đại Tá luôn. Hôm nay, tôi nhận diện Đại Tá là nhờ tấm ảnh Đại Tá treo trong phòng danh dự. Xin phép Đại Tá, để tôi chạy báo tin cho các anh em Võ Bị trên tàu biết.

Nói xong, ông Trung Úy chào tôi một cách vội vàng rồi chạy đi. Một lát sau, ông ta dẫn đến mười mấy sĩ quan, từ thiếu úy đến thiếu tá. Mọi người tự giới thiệu:

- Tôi là Y, "Cùi" khoá X.

- v.v... và v.v...

Tôi đứng yên, cắn chặt môi, dùng nghị lực ngăn dòng nước mắt đang muốn trào xuống trên khuôn mặt hốc hác sau một đêm thức sáng và 30 giờ nhịn đói, để đám "Cùi non" này khỏi thấy mình đang muốn khóc vì quá cảm động. (Nếu bây giờ, "thầy chú Cùi" nào trong đám này vớ được bài này thì cứ việc cười, "Cùi già" này không sợ xấu nữa đâu!) Và lẽ dĩ nhiên, sau đó đám "Cùi" phân chia trách nhiệm lo phần ăn ở cho tôi rất chu đáo như một tân khách danh dự.

Việc các sĩ quan Hải Quân này rủ nhau đến nhận diện một cựu Chỉ Huy Trưởng mà họ chưa từng quen biết đã "nói" lên được một "cái gì quá đẹp" trong truyền thống và nghi lễ Võ Bị. Huống chi, mặc dầu có sự ngắt quãng của thời gian giữa tôi và họ, mọi người đã tự ý xưng mình là "Cùi", dùng cái biệt hiệu xấu xí mà tôi đã gọi toán chim đầu đàn của tôi, như muốn cho tôi hiểu là họ hãnh diện nhận làm kẻ đã được hấp thụ đường lối giáo dục mới, mặc dù lúc ấy tôi đã đi rồi.

Điều làm tôi cảm động hơn nữa, là họ tự đặt mình vào vai vế "đàn em", mặc dù trong cái nghịch cảnh ngày hôm ấy, tôi chỉ là một thường dân tị nạn gần chết được cứu thoát, mà họ là



những người thuộc thành phần "chủ nhân tàu" và "ân nhân"!

Hiểu được cái cử chỉ đẹp tuyệt vời ấy của toán "Cùi non" này, làm sao tôi chẳng muốn khóc!!! Danh từ xấu xí "Cùi" được tôi dùng để phản ứng lại sự chống đối của các cấp cao trong Quân Đội thời ấy, và sự nghi ngờ về hiệu quả chương trình huấn luyện mới. Tâm ý của tôi là, một mặt chuẩn bị tinh thần học trò mình thế nào để "sinh tồn về vang" với mọi nghịch cảnh sau ngày ra trường, kể cả bí quyết xử thế với các thượng cấp "răng đen mã tấu, ác và ngu"; mặt khác, luyện sự chịu đựng, gan lì dùng để nghịch cảnh hoặc loại thượng cấp này "bẻ gãy"; đồng thời sẵn sàng chấp nhận sự ngược đãi của kiếp "làm hủi - làm 'Cùi'", sống biệt lập với người đồng bệnh, trong khi trong khi bị quần chúng khinh tởm, lánh xa, mà vẫn "Vui Vẻ", "Cao Sang".

Tôi tin chắc là phương pháp huấn luyện mới sẽ thành công và toán sinh viên đầu tay của tôi sẽ gây tiếng vang sau ngày ra trường. Vì vậy, tôi dùng danh từ xấu xí "Cùi" để gọi sinh viên của tôi như là lời thách đố cao ngạo với những ai trong Chính Phủ và Quân Đội, không tin ở phương pháp của tôi và tài năng của sinh viên do phương pháp ấy tạo nên.

Lời thách đố "cao ngạo" về nó được quan niệm như thế này:

Đám đông, tuy quyền cao chức lớn, nhưng thiếu cận; tuy có kinh nghiệm về binh nghiệp, nhưng là vì "sống lâu lên lão

làng" thấy người trước - có thể là ngoại quốc - làm thế nào, thì bây giờ mình bắt chước làm theo, không biết suy tư, tìm tòi và cải tạo. Họ được Tây dạy: "Sức mạnh của Quân Đội là quân kỷ", mà không bao giờ vươn lên hiểu được là: "Sự chấp nhận một lý tưởng cao đẹp, thực tiễn nhờ sự suy luận hữu lý của một trí óc ngay thẳng" còn mạnh gấp ngàn lần quân kỷ, vì quân kỷ chỉ nặng về tính chất tiêu cực. Vì vậy, đám chỉ huy tướng, tá, úy loại này rất sợ thuộc cấp "có chữ, có đầu óc, biết suy luận, biết phê phán".

Mà Khóa 16 chỉ gồm có hơn 200 người, dĩ nhiên sẽ trở thành thiểu số mang những sắc thái mà đám đông kia ghê tởm. Vì vậy, đám thiểu số sẽ bị đối xử như một lũ "Cùi", bị chèn ép, nghi ngờ, lỗi nhẹ xé ra to.

Nhưng mặc dầu bị nghịch cảnh, thiểu số này tỏ ra có tài năng, anh hùng, khí phách, thì rất cuộc: AI LÀ CÙI? AI KHÔNG LÀ CÙI?

Bởi vậy, mấy trang trước tôi mới long trọng "cảm tạ chân thành" những "Cùi" nào quả thật xứng đáng với cái quan niệm căn bản trên đây, quả thật đã tận dụng cái "sức mạnh thần bí" ấy, đạt đến những chiến tích mà bậc thầy phải cúi đầu khâm phục.

Hai mươi lăm năm đã trôi qua rồi!

"Đường danh lợi bùn pha sắc xám

Mặt phong trần nắng r ám màu nâu..."

Thực tế của cuộc đời, với những thần tượng mới, mà

một số người trong đoàn trai này đã không may mắn gặp trên chốn giang hồ, có thể đã dần dần "phế bỏ" đi phần nào cái "võ công thần bí" ấy, làm họ quên cái hình ảnh của hơn 200 chàng trai, "đôi mắt sáng ngời vì men say chiến đấu", đang quỳ gối trên sân cỏ, đưa tay lên thề trước mặt hơn ngàn quân sĩ, các thầy và đàn em, quyết một lòng sắt son cho cái LÝ TƯỞNG mà mình đã lựa chọn. Nhưng tôi biết rõ là việc nhân tạo đều phải lệ thuộc vào hiện tượng "tương đối". Đời Trần đã có Trần Bình Trọng, thì cũng đã có Trần Ích Tắc; đời Lê có Lê Lai thì cũng đã có Lê Chiêu Thống.

Vì vậy, khi viết bài này, tôi chỉ muốn TRI ÂN và HÃNH DIỆN, nhớ tới khoảng thời gian ngắn khi đoàn trai này, 200 người như một, đã thực sự tỏ ra kiêu hùng, gây nên tiếng vang dội và gương sáng cho các Khóa 17, 18, 19 và các khóa về sau noi theo. Sự kiêu hùng, tài đức của các thế hệ Võ Bị này đã làm cho giặc Cộng thù ghét cái quân trường tạo nên họ, đến nỗi năm 1985, trong cuộc phỏng vấn con tôi về chương trình đoàn tụ gia đình, nhân viên Cộng Sản còn căm hờn hỏi: *"Anh còn nhớ cha anh đã chỉ huy cái 'LÒ SÁT SINH ĐÀ LẠT' không?"*

Nhìn lại 25 năm về trước, tính lại sổ sách, ta nhận thấy gì?

Nước chúng ta đã mất. Bạn hữu chúng ta thì người đã chết, kẻ đang đau khổ trong cái thế giới tối tăm mà thú vật đang tra thù con người.

Mộng ước của chúng ta 25 năm về trước, đâu có phải là nhận kiếp tị nạn trên vùng đất xa lạ này, làm cái công việc này, ẩn náu dưới mái nhà này, và mãi mai hơn nữa, là mang cái quốc tịch này?

Vậy còn mộng ước bây giờ?

Hãy yên lặng, đừng mọi sự ước đoán tại đây. Để cho mỗi cá nhân tự ý xây mộng ước của riêng mình. Không nên phê phán và bình luận, mà chỉ cầu nguyện cho mộng ước của bạn mình sớm thành tựu, miễn là được quan niệm và theo đuổi trong vòng cương thường đạo lý.

Riêng tôi, thì 25 năm nữa, chắc chắn là tôi không còn sống trên đời để viết lên câu văn lảm lảm cảm gởi cho "Cùi cha, Cùi con, Cùi cháu" đọc, mà chỉ có mộng ước gàn dở sau đây:

Là thời ấy, ở vùng nào đó, còn có tên "Cùi", có thể thành phần còn sót lại của Khoá 16, hoặc của các Khoá 17, 18, 19, hoặc của các khoá của những năm kế

tiếp của đám "Cùi con" trên tàu 417 thưở nọ, hoặc của các khoá sau đó nữa, hoặc chẳng phải là khóa nào cả của Trường Võ Bị, nhưng chẳng biết LÀM SAO và TỰ BAO GIỜ đã bị nhiễm bệnh "Cùi", rồi vì thế, đã cố gắng sống cho lý tưởng của mình đã chọn, làm "hết sức" mình "việc-mình-cho-là-phải", không cần biết thành công hay thất bại. Ai khen cũng vui một lát rồi quên đi; mà có người chê thì cũng mặc kệ... Cả đời chỉ sợ buổi sáng nhìn gương khi chải tóc, phải thấy mặt mình tồi tàn, như bần, làm điều bậy, giờ nhàn rồi ngồi yên nhìn, nghe thiên hạ xào xáo bên ngoài, rồi có lúc thì ngẩng đầu lên trời cười hô hố một tràng; vợ con chẳng hiểu lý do tại sao mà có lúc lại chạy ra vườn nhỏ bãi nước bọt rồi chửi thề rất tục một mình! ■

TRẦN NGỌC HUYẾN
(1924 - 2005)



Ông sinh năm 1924 tại Lệ Thủy, Quảng Bình
 . 1952: Nhập ngũ Khóa 2 Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức
 . Gia nhập binh chủng Pháo Binh
 . Tháng 6/1953: Phòng Kế Hoạch Bộ Tổng Tham Mưu, Tổng Cục Tiếp Vận
 . 1959: Văn Hóa Vụ Trường Trường Võ Bị Đà Lạt
 . 1961: Chỉ Huy Trường Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam tại Đà Lạt
 . 11/1963: Thăng cấp Đại Tá kiêm nhiệm Thị Trưởng Đà Lạt
 . 1964: Tổng Lãnh Sự Việt Nam tại Hồng Kông
 . Thuyên chuyển về BTL/Quân Đoàn II
 . Thứ Trưởng Thông Tin
 . Giám Đốc Nha Chiến Tranh Tâm Lý Bộ Quốc Phòng
 . Giải ngũ năm 1965
 . Làm việc cho hãng Esso
 . Định cư tại Texas, Hoa Kỳ từ năm 1975
 Ông qua đời tại Texas năm 2005, hưởng thọ 81 tuổi.

CHIẾN SĨ TRẦN VONG . (BÀI TRUY ĐIỆU TRUYỀN THỐNG)

Chiến Sĩ Trần Vong! Chiến Sĩ Trần Vong!
 Chiến Sĩ Trần Vong!

Lúc bấy giờ trên cánh đồng chiêm Bắc Việt, bên con rạch nhỏ Đông Nai, trong đám rừng sâu Trung Việt, phút chốc liệt vị đã trở nên người thiên cổ.

Sự nghiệp đang công đeo đuổi, thôi đành gián đoạn nửa đường, chí tang bồng hằng mong thực hiện, thôi cũng đành ôm hận ngàn thu.

Mỏ đất lạ chôn vùi thân bách chiến, đám sương mù tàn tạ mảnh chinh y.

Đành rằng chốn trần gian nào ai mong sống mãi, nhưng lúc quốc thì chưa gột rửa, chỉ làm trai chưa toại mộng hải hồ

thì hận tuyên dài làm sao ngăn được dòng huyết lệ.

Lại còn, người thân kẻ thuộc, an cù lao nghĩa vợ chồng, tình huynh đệ, bao tình cảm sao nỡ dứt cho đành.

Nhưng! Non nước Việt vẫn thắm tươi cùng thảo mộc, dòng Lạc Hồng còn tồn tại với thời gian.

Bởi đâu, nhờ đâu? Thân chiến sĩ vũng xáy nên thế hệ, máu anh hùng nhuộm thắm lá cờ Nam.

Đêm nay gió lạnh trên đôi thông đang nổi dậy. Ánh lửa hồng đang mờ tỏ từng hồi.

Chiến Sĩ Trần Vong!
 Hãy trở về chúng giám.

Ngày mai đây, một đoàn trai sẽ hăm hở lên đường nối chí tiên nhân, làm Tổ Quốc Non Sông thêm tỏ rạng.

Chúng tôi không tìm an lạc dễ dàng, mà chỉ khát khao gió mưa cùng nguy hiểm.

Nhưng rồi cũng có lúc, chí tuy còn mong tiến bước, nhưng sức không kham nổi đoạn đường.

Chúng tôi cần được đất diu.

Chiến sĩ Trần Vong!

Có linh thiêng hãy chỉ lối đưa đường.

Hãy nung nấu tâm can chúng tôi với ngọn lửa thiêng truyền thống.

Hãy chúng giám lời cầu xin của đàn em hậu tiến! ■



Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Trung Tá Trần Ngọc Huyền – Chỉ Huy Trưởng Trường VBQG – gắn lon Thiếu Úy cho Sinh Viên Thủ Khoa Khóa 16 Bùi Quyền

"THẦY CỤI" CÓ LINH THIÊN...

VÕ Ý

Khóa 17 (K17) nhập trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt tháng 11 năm 1960, trước Khóa 18 một năm. Năm 1962, Khóa 19 nhập trường.

Vào thời điểm này (1960 - 1963), Quân trường gồm 5 khóa là:

- Khóa 15 (64 Sinh Viên Sĩ Quan (SVSQ) - Tốt nghiệp: 55 thiếu úy (ThU), 2 chuẩn úy (ChU)).

- Khóa 16 (326 SVSQ - Tốt nghiệp 226 ThU; 52 về Đồng Đế Nha Trang).

- Khóa 17 (210 SVSQ - Tốt nghiệp 179 ThU, 10 ChU)

- Khóa 18 (201 SVSQ - Tốt nghiệp 191 ThU).

- Khóa 19 (412 SVSQ - Tốt nghiệp 391 ThU).

Vị Chỉ Huy Trưởng bấy giờ là Trung Tá Trần Ngọc Huyền (xuất thân Khóa 2, Trường Bộ Binh Thủ Đức, Binh Chung Pháo Binh).

K17 nhập trường sau cuộc binh biến đầu tháng 11/1960 do một số sĩ quan Nhảy Dù khởi

xướng. Thiếu Tướng Lê Văn Kim bị nghi ngờ có can dự đến sự kiện nên buộc phải bàn giao chức vụ Chỉ Huy Trưởng cho Trung Tá Trần Ngọc Huyền, Chỉ Huy Phó kiêm Văn Hóa Vụ Trưởng. (Trung Tá Huyền tốt nghiệp Cử Nhân Văn Chương Pháp, Đại Học Văn Khoa Saigon.)

Tân Chỉ Huy Trưởng chấn chỉnh ngay chương trình huấn luyện bằng cách đệ trình thượng cấp (qua Bộ Giáo Dục và Bộ Quốc Phòng) công nhận văn bằng tốt nghiệp Thiếu Úy hiện dịch của Trường Võ Bị Quốc Gia (chương trình 4 năm) tương đương trình độ văn hóa năm thứ hai Cử Nhân Toán - Lý - Hóa.

Ông mở thêm môn "Khoa Học Lãnh Đạo"⁽¹⁾ do chính ông phụ trách để truyền đạt cho các tân sĩ quan nghệ thuật Lãnh Đạo Chỉ Huy. Nội dung của môn học này tuy đơn giản nhưng vô cùng thiết thực cho cấp chỉ huy khi đối diện với đời sống cụ thể tại đơn vị cũng như trên chiến trường.

Ông áp dụng phương pháp của Socrate⁽¹⁾ (dạy cho người nô lệ xưa) là không thuyết giảng dài dòng, chỉ nêu những câu hỏi, gợi ra câu trả lời do sự suy luận đơn giản. Vì vậy, SVSQ không phải buồn ngủ hoặc nhàm chán khi nghe thuyết giảng trừu tượng và dài dòng. Thay vào đó, mỗi người được phát một tờ giấy quay *ronéo* tóm tắt vài trường hợp thường xảy ra trong đơn vị, liên hệ với đủ hạng người, từ thượng cấp "Đại Úy cà dẹt", đồng cấp "Trung Úy lấu cá", "Thiếu Úy nịnh bợ" đến thuộc cấp "Thượng Sĩ bướng" vì



có 17 năm công vụ, “Trung Sĩ lý” vừa chậm lại vừa khó bảo,...

Lớp học chia thành toán, từ 8 đến 10 người, cùng thảo luận và tìm biện pháp giải quyết một cách hữu lý những vấn đề do “nhân vật” trong ... giấy gây ra mà SVSQ là đơn vị trưởng tương lai, phải giải quyết.

Thông thường, giữa sinh viên và chỉ huy trưởng quân trường, có khoảng cách rất xa. Trong giờ lãnh đạo chỉ huy, mọi người ngang hàng, chỉ hơn nhau trong lý luận hợp lý, sâu sắc và chín chắn. Từ thái độ e dè của thuộc cấp, sinh viên dần dần nhận thấy chỉ huy trưởng của họ thành thật và suy luận sắc bén, nên chấp nhận là “Thầy” (hơn là Chỉ Huy Trưởng).

Qua cách truyền đạt này, cũng là lúc “Thầy” đặt họ trước tình thế của đất nước, đưa thí dụ: Người hiền hòa đang làm vườn, bị láng giềng kéo côn đồ phá rào, sang nhà mình đe dọa, đốt phá cả nơi thờ phượng tổ tiên ông bà; thì thử hỏi nên chui xuống hầm, chạy trốn, quỳ lạy tha chết hay gọi vợ con, anh em hợp lực đánh đuổi kẻ kia về? Suy luận rồi thảo luận, sinh viên tự tìm lấy câu trả lời duy nhất là “quyết chống lại” tên hàng xóm tham lam.

Cũng từ đó, Thầy Huyền truyền bá “Triết Lý Nhân Sinh”⁽¹⁾ của mình cho đám học trò thân yêu và nhận họ cùng một giống với mình, “giống Cùi”!

Danh từ “Cùi” dùng để gọi các SVSQ, được truyền tụng trong quân trường (và sau này ngoài đơn vị) từ ngày Trung Tá Trần Ngọc Huyền đảm nhận trách

nhệm Chỉ Huy Trưởng vào cuối năm 1960.

Ngày nay, tại hải ngoại, danh từ “Cùi” vẫn được nhắc lại đâu đó, từ trong nội bộ cựu SVSQ Võ Bị Quốc Gia Việt Nam (VBQG/VN) cho đến tập thể người Việt tị nạn cộng sản và các hội đoàn, tổ chức khác!

Trong thời chiến, danh từ “Cùi” biến thành “mặt khẩu” cho các đồng môn Võ Bị Đà Lạt nhận nhau chỗ đông người, nơi xa lạ, tại đơn vị hay trên chiến trường, nhờ vào mẫu số chung “Cùi” của họ, dù bất cứ thời điểm nào. Danh từ xấu xa được biến thành “quý danh”⁽¹⁾, riêng cho một tập thể có những đặc tính khác người.

Xin nêu 5 đặc tính khác người đó là⁽²⁾:

1- Không làm điều trái lẽ phải, vô lý, bất công (mặc dầu có nhiều người làm). Và vì chỉ một mình mình không làm mà bị thù ghét, hãm hại, ruồng rẫy, nên tự xem mình là “Cùi hủi”.

2- Không thượng đội hạ đạp. Làm việc vì bốn phận, trách nhiệm, lẽ phải và lòng tự trọng, chứ không phải sợ bị phạt hoặc làm cho giỏi để được thưởng.

3- Khi làm lỗi, thẳng thắn nhận lỗi. Nếu cần, chịu phạt thay cấp dưới!

4- Quan tâm thuộc cấp. Không lợi dụng khai thác thuộc cấp để làm lợi cho mình.

5- Thà chịu người ghét, không làm điều càn quấy để người khinh!

Các đặc tính trên đây phản ánh “cá tính” đặc biệt của vị Thầy “cao ngạo”, cũng là vị Chỉ Huy Trưởng tài hoa và lẫm liệt của Trường VBQG/VN (1960 - 1964): cố Đại

Tá Trần Ngọc Huyền mà đám Cùi K17 chúng tôi gọi là “Thầy Cùi” với một lòng kính yêu.

5 điều cốt lõi phản ánh “triết lý nhân sinh” cũng là 5 điều tâm niệm của “môn phái Cùi” và họ thật sự hãnh diện khi gọi “chương môn nhân” của mình là ... “Thầy Cùi”! Tự hạ mình thành Cùi mà tâm tâm vẫn “cao ngạo”. Không phải cao ngạo lếu láo, khinh chê bừa bãi mà tự mình mình biết, có những kẻ được cho là quyền cao chức trọng, nhưng lại thuộc loại ích kỷ ti tiện, nên môn phái Cùi lộ vẻ lịch thiệp bên ngoài mà bên trong lại ngăm ... khinh bỉ! Cái cao ngạo hầu như “bệnh hoạn” của Cùi là chỗ đó và sẵn sàng nhận hậu quả về thái độ ấy, vì họ đã chuẩn bị tâm tư, dám làm dám chịu!

Cũng cần biết một giai thoại vô cùng ... kỳ cục mà “Thầy Cùi” là tác giả trong giờ khám phòng SVSQ thuộc Lữ Đoàn Pháo Binh. (Xin nhắc lại, “Thầy Cùi” là cựu SVSQ Khóa 2 Thủ Đức, 10/1952. Cũng có thể qua giai thoại này mà Thầy đã áp dụng danh từ “Cùi” cho đám học trò sau này của mình chẳng?)

Số là, Trung Úy Ladonne, (xuất thân trường Võ Bị Saint Cyr, Pháp), Sĩ Quan Cán Bộ Lữ Đoàn SVSQ Pháo Binh, nhìn lên cánh tử của SVSQ Trần Ngọc Huyền, mở mắt to ngạc nhiên, hất hàm hỏi:

- Cái gì kỳ cục vậy?

Trong thế nghiêm, trả lời:

- Hình lỏa thể toàn diện nhìn để quên đời.

- Tôi thấy hình rồi, nhưng tại sao có câu “*Lespreux! N'y touchez pas?*” (Giống cùi! Chớ sờ vào!)



Trả lời:

- Vì giống *lespreux* (giống cùi) không hiểu nổi cái đẹp!

Viên Trung Úy lờ, bỏ đi. Vì nếu ông lấy tấm hình xuống sẽ tự thú mình là "*lespreux*" sao? Vì thế tấm hình lửa thể vẫn nằm trơ trên cánh tú.⁽³⁾

Cho đến một hôm, thượng cấp (Thống Chế Juin, Quân Đội Pháp) viếng thăm quân trường (vào thời điểm này - 1952 - người Pháp vẫn còn nắm giữ quân đội), Trung Úy Ladonne, đang đêm, xuống phòng năn nỉ SVSQ "Cùi Huyễn":

- Cho "em bé" (tấm hình lửa thể) vào trong tú ngủ một đêm rồi sáng mai đem ra phơi!⁽³⁾

Từ một giáo sư Pháp văn, bị động viên vào Thủ Đức, học quân sự với huấn luyện viên Tây mà chưa chắc các vị này nói và hiểu tiếng Tây rành rẽ bằng SVSQ Cùi, nên SVSQ này "ngông" mà Tây vẫn nể nang là một điều ... hiếm có!

Một giai thoại khác liên quan đến các Điều Tâm Niệm 2, 3, 4 của môn phái cùi, là khi 52 SVSQ Khóa 16 (trên tổng số 326) bị loại vì không đủ điểm trung bình, do quyết định của Tổng Tham Mưu (TTM) ký và Quân Trường thi hành. Trước giờ lên tàu về quê, một SVSQ thiếu may mắn xin gặp Thầy Cùi. Sau khi nghe được sự bất công mà anh X. là nạn nhân của 8 Tuần Sơ Khởi, Thầy hứa sẽ điều tra và Thầy cũng nói rõ là, vì TTM đã quyết định nên khó làm gì khác hơn ngoài việc sẽ dành một chỗ cho khóa tới. Anh X. chảy nước mắt cho biết, anh là một trẻ mồ côi, được một ông sư ở Huế nuôi đi học, tưởng khi thành sĩ quan sẽ giúp lại mấy

đứa mồ côi đang nuôi như anh. Anh không muốn sự bất công này hại thêm nhiều người nữa. Thầy cũng khóc theo và khuyên anh nên... hy vọng!⁽¹⁾

Ngay sau đó, thầy Cùi triệu tập Hội Đồng Giáo Sư, huấn luyện viên và cán bộ, yêu cầu điều tra lại hồ sơ này. Mọi người ngần ra. Hầu hết các vị đều xác nhận anh này giỏi, xếp hạng 1/3 trên cao. Chỉ có cán bộ trong hệ thống chỉ huy và kỷ luật mới phê điểm thấp tận cùng. Hỏi lý do; trả lời: ngang ngược, khó bảo, vi phạm kỷ luật thường xuyên. Ý kiến của Hội Đồng - trừ cán bộ kỷ luật - cho anh này trở lại.

Tối đấy, Thầy thảo văn thư gửi Tổng Tham Mưu Trưởng, với bản sao kính trình Tổng Thống (Tổng Tư Lệnh), tự mình nhận lỗi vì thiếu kiểm soát, hại một sĩ quan tương lai, làm giảm uy danh Quân Đội vì đã có một quyết định bất công. Vì thế, xin thượng cấp giải nhiệm, trao quyền chỉ huy cho người khác, chuyển đi đơn vị tác chiến 3 năm trước khi cho giải ngũ (vì Thầy Cùi xin giải ngũ nhiều lần từ trước). Riêng đối với SVSQ X., xin đầu lại quyết định sa thải, ban lệnh cho QĐI liên lạc với chùa Y. tại Huế, cấp phương tiện cho anh ta trở lại trường kịp theo học giai đoạn 2 (K16) sắp khai giảng!

Bốn đêm sau, Đại Tướng Tổng TMT gọi điện thoại báo tin là đã lệnh cho QKI thi hành những đề nghị về X. Rồi trong tiếng cười sáng khoái, ông thêm:

- Mày xin giáng chức, xin phạt, mà tao lại được khen. Để khi nào về đây, tao kể cho mày nghe!⁽¹⁾

Trong tuần ấy, SVSQ X. trở lại trường!

Nếu còn sống sót trên đời này, thiết nghĩ "cùi X." thuộc K16, sẽ không thể nào quên được cuộc hồi sinh nhờ vào tinh thần trách nhiệm của cấp chỉ huy của mình là: "Có lỗi thì nhận lỗi!" Thiết nghĩ, tính can trường này hiển hiện trong câu châm ngôn của Đoàn Sinh Viên Võ Bị Quốc Gia là: "Tự Thắng Để Chỉ Huy!"

Những "Cùi" K16, K17, K18, K19 được "Thầy Cùi" truyền đạt "bí kíp Nhân Sinh" trong suốt những năm tháng được trui rèn tại quân trường. (Các cùi Khóa 15 sắp mãn khóa và cùi Khóa 20 mới nhập trường khoảng 4 tuần, vẫn được "ném" môn lãnh đạo chỉ huy đủ mùi vị cay đắng ngọt bùi này!)

Qua môn học đó:

- "Cùi" tìm thấy lý do để chống cộng

- "Cùi" tìm thấy lý tưởng Quốc Gia - Dân Tộc để phụng sự

- "Cùi" nhắm thẳng quân thù và bóp cò với ý thức "Bảo Quốc An Dân" chứ không vì công hầu khanh tướng hay hiếu sát kiểu "Thề phan thân uống máu quân thù"!

Một thời gian ngắn sau khi các khóa này ra trường, ngôi Trường Mẹ vang dội chiến công lẫy lừng cũng như gương hy sinh anh dũng của các "Cùi" như Robert Lửa Nguyễn Xuân Phúc (K16), TQLC tại mặt trận Quảng Trị; Đặng Ngọc Khiết (K17), Biệt Kích nhảy Bắc bị tử hình; Võ Toàn (K17), Trung Đoàn Trưởng mưu lược thuộc Đ1BB; Lê Huấn (K18), Đ1BB tử chiến Hạ Lào; Võ Thành Kháng (Thủ Khoa K19),



TQLC, hy sinh trận Bình Giả chỉ sau 2 tuần sau lễ tốt nghiệp; Châu Minh Kiến (K19), SĐ5BB, can trường đơm lược tại mật khu Hồ Bò năm 65, mật khu Dương Minh Châu năm 1968,...

Rất nhiều "Cùi" đã chọn cái chết oanh liệt trước hay trong ngày 30 tháng 4/1975, trên chiến trường, trong ngục tù hay trên đường vượt thoát tìm Tự Do. Những niên trưởng như Thiếu Tướng Phạm Văn Phú (K8), Tư Lệnh Quân Đoàn II; Chuẩn Tướng Trần Văn Hai (K7), Tư Lệnh Sư Đoàn 7BB, đều tử tiết theo vận nước.

Đại Tá Nguyễn Hữu Thông (K16), Trung Đoàn Trưởng 42/SĐ22BB chọn cách ở lại với đồng đội để đồng sanh đồng tử.

Thiếu Tá Phan Ngọc Lương (K17), nổi dậy chống nhà cầm quyền CS ở Huế, bị tử hình.

Thiếu Tá Trần Văn Bé (K19) và Thiếu Tá Phạm Văn Tư (K19), vượt ngục cộng sản (sau 30/04/75) không thành công, chấp nhận tròng đạn thù với ánh mắt cao ngạo!

Từ sau ngày đau thương đó, đàn con của Trường Mẹ chịu chung số phận với vận nước, tử nhục và uất hận ngay trên quê hương mình. Một số vượt thoát ra hải ngoại và lòng vẫn nung nấu một ngày về. Nỗi niềm nung nấu đó đơm bông kết trái thành những Hội Ái Hữu, Tổng Hội Cựu SVSQ/VBQG/VN, Đoàn Phụ Nữ Lâm Viên, mà hãnh diện nhất là Tổng Đoàn Thanh Thiếu Niên Đa Hiệu.

Dẫu biết, sơn hà cũng huyển, nhưng chữ "không ngờ" vẫn nhói trong lòng của đa số "Cùi", bởi vì,

tập thể này đang có dấu hiệu ... rạn nứt, không phải do lập trường quan điểm mà do bất đồng trong tổ chức sinh hoạt. Cụ thể là, sau Đại Hội Tổng Hội Cựu SVSQ/VBQGVN lần thứ 20 (2016), một số cựu SVSQ đề nghị hoãn in quyển "Trường VBQG Theo Dòng Lịch Sử" vì cho rằng, còn nhiều điểm (ý tưởng và lời văn) không xứng tầm một quyển Sử của một quân trường nổi tiếng. Một số khác phê phán thiếu cân nhắc các huynh đệ của mình, vì không đồng suy nghĩ hoặc phương cách làm việc.

Nếu tình trạng này không sớm tìm cách hóa giải thì quý huynh đệ ăn nói làm sao với các hậu duệ của mình?

Đành bó tay sao?

Do tình cờ, hay do một lẽ huyền vi mà bỗng dưng có một chiến hữu Không Quân hỏi chúng tôi về ý nghĩa của chữ "Cùi" thường dùng trong tập thể cựu sinh viên trường võ bị Đà Lạt. Tôi giải thích qua sự hiểu biết của mình và cũng từ giây phút đó, tôi nhớ về "Thầy Cùi" của mình.

Ở nước Trời, nơi Côi Vĩnh Hằng hoặc dưới Suối Vàng, Thầy nghĩ gì về sự rạn nứt này, Tổng Hội rồi sẽ ra sao và "môn phái Cùi" sẽ bị phân hóa cho đến bao giờ?

Lúc còn sinh tiền (khoảng 1980), tại Houston, một số cựu SVSQ K16 vẫn thường thăm viếng và tâm tình với Thầy, qua đó Thầy biết, trong nội bộ K16, khóa đầu đời được huấn luyện theo phương pháp do Thầy phác họa, cũng có ... bất đồng! Thầy bèn viết "Lời Thách Đố Của Người

Anh Cũ"⁽⁴⁾ với ước mong hàn gắn những rạn nứt đó: *"Tôi muốn kể với các anh mẩu chuyện nhỏ trích trong một vở kịch của Corneille (Pháp, thế kỷ 17). Vua Auguste giết cha của Cinna. Cinna căm thù, kết tập bè đảng phản vua. Vua biết chuyện và bắt trọn cả đám. Lính giải Cinna bị trói, bắt quỳ trước mặt vua để nhận tội. Vua từ trên ngai bước xuống, cởi trói cho Cinna, đưa hai tay ra trước, nói: 'Soyons amis, Cinna!' (Chúng ta hãy là đôi bạn, Cinna!)"*

Nay, đem "Lời Thách Đố" (dành riêng cho K16) áp dụng vào hiện tình của cả Tổng Hội, sẽ là một điều ... cầu âu chăng? Bởi vì, trong tập thể chúng ta, không có ai là vua August, không có ai là Cinna cả, mà chỉ có môn phái cùi, được đào tạo tại lò Lâm Viên, cùng chung một lý tưởng Quốc Gia - Dân Tộc, một màu cờ thiêng, Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ và một ước vọng hiện nay.

Qua ước vọng, người cựu SVSQ nào đó được tập thể tín nhiệm, bầu vào trách vụ này trách vụ kia, không phải là "vua". Người hội viên (của Hội, của Tổng Hội), cùng kề vai chia sẻ trách nhiệm để mong đạt được mục tiêu chung do Hội hoặc Tổng Hội đề ra, cũng không phải là Cinna kết bè kết đảng để chống phá...

Kính thưa Thầy Cùi,

Thầy ra đi, để lại cho miền Nam nói chung và "môn phái Cùi" nói riêng, một di sản có giá trị dài lâu. di sản đó bao gồm:

- Nhờ vào tài trí, nhân danh chính phủ Việt Nam non trẻ, Thầy



đã “deal” với chính phủ Pháp để “mua” lại Dinh Độc Lập với giá 1 đồng danh dự!^(*) Cũng chính nhờ vào sự khôn khéo mà Thầy loại dần ảnh hưởng của sĩ quan Pháp ra khỏi Quân Đội VNCH lúc ban đầu (1953)^(*)

- Thầy sáng tạo chương trình “Tiếng Nói Dạ Lan”⁽⁵⁾, quả là một liều thuốc bổ đã nâng cao tinh thần chiến đấu của người lính chiến cộng hòa sau cuộc biến động tháng 11/1963: “*Tiếng nói của em gái hậu phương gửi các anh trai tiền tuyến, các chiến sĩ can trường trên mọi nẻo đường đất nước...*”

- Di sản của Thầy để lại cho “môn phái Cù” cũng thật vô giá với “triết lý Nhân sinh”, trong đó có nguồn gốc chữ “Cù” cao ngạo được Thầy đệ trình lên thượng cấp áp dụng triết lý đó để đào tạo SVSQ thành cấp chỉ huy tin cậy cho Quân đội dựa trên 3 phương diện: Quân Sự, Văn Hóa và Lãnh Đạo Chỉ Huy.

- Bản văn “Lễ Truy Diệu” các chiến sĩ trận vong thật u hiễn: “*Đêm nay, gió lạnh trên đồi thông đang thổi dậy, ánh lửa hồng đang mờ tỏ từng hồi... Hãy nung nấu tâm can chúng tôi với ngọn lửa thiêng truyền thống...*”⁽⁶⁾ mà mỗi một cựu SVSQ khi nghe lần đầu bài truy diệu này tại vũ đình trường Lê Lợi trong lễ mãn khóa, dưới ánh đuốc chập chờn, không ai là không nổi ... gai ốc!

- Sáng kiến khai sinh “Đặc San Đa Hiệu”, tiếng nói chính thức của Trường VBQG Việt Nam (bao gồm cán bộ Quân Sự Vụ, Văn Hóa

Vụ và SVSQ...) vẫn tồn tại từ năm 1963 cho tận ngày nay, dù trải qua dâu biển...

Kính thưa Thầy Cù

Trước những chỉ dấu đau lòng của tập thể, chúng em nghĩ đến Thầy, như một chỗ dựa, như một cầu xin: “*Có linh thiêng, xin chỉ lối đưa đường...*”⁽⁶⁾

Dựa vào điều tâm niệm thứ 3 của môn phái, chúng tôi thiếu nghĩ tất cả cựu SVSQ đều chịu trách nhiệm về sự rạn nứt nếu có trong Tổng Hội, dù ít dù nhiều, trực tiếp hay gián tiếp, lên tiếng hay im lặng. Từ đó, mỗi thành viên thử dùng bửu bối “Tự Thăng” để tự điều chỉnh thái độ của mình, hầu sớm vui hòa vào sinh hoạt chung của tập thể.

Nếu sinh hoạt chung vẫn không phù hợp với suy nghĩ của mình thì “môn phái Cù” đành chấp nhận “không sợ lỗ”. “Lỗ” ở đây hàm ý “mọi bất như ý”. “Môn phái Cù” rất cần chấp nhận “không sợ lỗ” để nhìn thẳng vào mặt nhau, tay nắm tay trong quyết tâm tái xây dựng một Tổng Hội yêu thương và nhân nhện, để phục vụ ước vọng chung của toàn dân là, dựng lại ngọn cờ vàng ba sọc đỏ trên núi cũ sông xưa...

Được như vậy, từ trên trời xanh, giữa đám mây trắng, “Thầy Cù” Trần Ngọc Huyền an nhiên nhìn xuống dương gian với nụ cười mãn nguyện và cao ngạo muôn thuở. Mãn nguyện vì dù trong bất cứ nghịch cảnh nào, đám học trò của Thầy đã thực sự hiểu thấu “triết lý Cù” và đã tin yêu mang triết lý đó dẫn thân, tô

thắm cuộc đời, dấu biết cuộc đời lắm ... truân chuyên. ■

Westminster, CA
Thanksgiving 2017
BẮC Đẩu VỖ Ý
(Cựu SVSQ K17)



GHI CHÚ:

- (1) Triết Lý Nhân Sinh Truyền Lại Cho Quân Trường (Trần Ngọc Huyền – TNH)
 - (2) Nguồn Gốc Chữ Cù (TNH)
 - (3) Danh từ Cù được dùng lần đầu... (TNH)
 - (4) Lời Thách Đố của Người Anh Cũ (TNH)
 - (5) Chương trình Dạ Lan: <https://vi.wikipedia/wiki/>
 - (6) Lời trích trong bài “Lễ Truy Diệu Truyền Thống”
- (*) Tất cả các ghi chú 1, 2, 3, 4 và (*) đều nằm trong link: http://nguyentint.tripod.com/dt_tranngochuyen.htm
- (**) Cuối tháng 2/1957, trường Thủ Đức đổi tên thành Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức. Ngày 1/8/1963, trường lấy lại tên cũ Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Ngày 1/7/1964, trường được cải danh một lần nữa thành Trường Bộ Binh Thủ Đức